

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 327/2025/HS-PT

Ngày 24 – 11 – 2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Các Thẩm phán:

Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Ngô Tấn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 260/2025/TLPT-HS ngày 06 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 0, tỉnh Đồng Tháp.

Bị hại Phạm Thanh H kháng cáo đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Đ), sinh năm 1989, tại tỉnh Đồng Tháp; Đăng ký hộ khẩu thường: khóm M, phường T, thành phố V, tỉnh V (nay là khóm M, phường T, tỉnh V); Nơi ở hiện nay: khóm M, phường T, thành phố V, tỉnh V (nay là khóm M, phường T, tỉnh V); Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Văn B, sinh năm 1955 (chết) và bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; Vợ: Nguyễn Mộng L, sinh năm 1994 (không đăng ký kết hôn); Con: 02 người (Lớn nhất 12 tuổi, nhỏ nhất 05 tuổi);

Tiền án: không;

Tiền sự: Ngày 20/12/2023, bị Công an phường T, thành phố V, tỉnh V xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc;

Đặc điểm nhân thân:

+ Ngày 21/10/2010 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu Vực 0, tỉnh Đồng Tháp) xử phạt 03 năm tù giam về tội

trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt ngày 25/8/2012(đã được xóa án tích);

+ Ngày 24/11/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh V (nay là Tòa án nhân dân khu Vực 0, tỉnh Vĩnh Long) xử phạt xử phạt 02 năm tù giam về tội Cố ý gây thương tích(đã xóa án tích);

+ Ngày 06/8/2019 bị Công an huyện C, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe người khác;

+ Ngày 01/4/2020 bị Công an huyện C, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc;

+ Ngày 25/5/2021 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu Vực 0, tỉnh Đồng Tháp) xử phạt 01 năm tù giam về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 21/12/2021 và chấp hành xong án phí vào ngày 17/3/2022 (đã được xóa án tích); Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/11/2024.

Tội danh “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ Khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

- *Người bị hại*: Ông Phạm Thanh H (U), sinh năm 1977; Địa chỉ (cũ): ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ (mới): ấp A, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại: Luật sư Hồ Thị X - Văn phòng Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng*:

1. Ông Nguyễn Văn T (T), sinh năm 1982; Nơi cư trú: Khóm M, phường T, tỉnh V;

2. Anh Phạm Minh L (S), sinh năm 1994; Nơi cư trú: Số nhà 0, khóm M, phường T, tỉnh V;

3. Ông Tạ Nhựt T, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Ấp P, xã P, tỉnh Đồng Tháp;

4. Bà Lê Ánh T, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Ấp A, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

(Bị cáo, bị hại, Luật sư H, Người làm chứng: ông T, anh L và bà T có mặt).

Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/9/2024, ông Phạm Thanh H, sinh năm 1977 ngụ ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982 ngụ khóm M, phường T, thành phố V, tỉnh V cùng uống rượu, bia tại nhà của ông Tạ Nhựt T (M), sinh năm 1989 thuộc ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp thì xảy ra mâu thuẫn đánh nhau bằng tay không và được mọi người can ngăn. Sau đó ông H và anh T đến nhà bà Lê Ánh T sinh năm 1975, thuộc ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nhậu tiếp, còn T về nhà thì gặp em ruột là Nguyễn Văn T. Thấy T bị

thương nên T hỏi lý do thì T nói với T là do đánh nhau với ông H. Sau đó, T điện thoại cho Nguyễn Minh L, sinh năm 1994 ngụ xóm M, phường T, thành phố V, tỉnh V rủ đi công chuyện. Do thường ngày T hay rủ L đi công chuyện là đi uống cà phê nên L đồng ý. Sau đó, T lấy 01 con dao tự chế có chiều dài khoảng 55cm, cán dài khoảng 15cm, lưỡi dao dài khoảng 40cm, rộng khoảng 03cm và 01 đèn pin kích điện cất giấu vào trong áo rồi điều khiển xe mô tô đến chở L đến khu dân cư thuộc xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Khi đến nhà của bà T, T dừng xe lại ngoài đường rồi đi vào nhà bà T, còn L ở lại trông xe. Khi vào nhà bà T thấy anh T đang ngồi uống rượu nên T hỏi ông H ở đâu. Anh T trả lời không biết nên T lấy dao tự chế dùng phần lưng dao gõ vào đầu anh T 01 cái. Sau đó, T nhìn thấy ông H đang đứng trong phòng ngủ của bà T và trên tay có cầm 01 cây xà beng nên T đi vào dùng dao tự chế chém trúng vào người ông H 01 - 02 cái rồi T ra xe đi về. Sau khi đưa L về nhà, T điều khiển xe mô tô đến chân cầu M ném con dao tự chế và đèn pin kích điện xuống sông. Ông H được người nhà đưa đến Trung tâm ý tế huyện C và sau đó được chuyển đến Bệnh viện Đa khoa S điều trị đến ngày 20/9/2024 thì xuất viện.

Ngày 15/9/2024, ông Phạm Thanh H có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Nguyễn Văn T.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tổn thương cơ thể số 186/TgT-TTPY ngày 06/11/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Tháp kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Phạm Thanh H như sau:

- Sẹo vết thương phần mềm cổ - mu – bàn tay phải, kích thước lớn. Tỷ lệ tổn thương: 03%.

- Sẹo vết thương phần mềm mặt sau cánh tay trái, kích thước trung bình. Tỷ lệ tổn thương: 02%.

- Sẹo vết thương phần mềm ngực trái, kích thước trung bình. Tỷ lệ tổn thương: 02%.

- Gãy thân xương trụ phải can liền tốt, trục thẳng. Tỷ lệ tổn thương: 08%.

- Tổn thương nhánh thần kinh trụ tay phải. Tỷ lệ tổn thương: 13%.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể: 25% tính theo phương pháp cộng lùi. Tại thời điểm giám định.

- Các tổn thương trên do vật sắc gây ra.

Quá trình điều tra, ông Phạm Thanh H yêu cầu bồi thường các khoản chi phí là 87.900.000 đồng gồm:

- Tiền xe chuyển viện từ Trung tâm y tế huyện C đến Bệnh viện đa khoa S đi và về là 1.000.000 đồng.

- Tiền viện phí và tiền thuốc điều trị tại Bệnh viện Đa khoa S 06 ngày và tiền tái khám là 2.406.999 đồng.

- Tiền mất thu nhập trong thời gian nằm viện là 300.000 đồng/ngày x 06 ngày là 1.800.000 đồng.

- Sau khi xuất viện về do ảnh hưởng của vết thương không đi làm được nên mất thu nhập trong thời hạn 90 ngày là 300.000 đồng x 90 ngày là 27.000.000 đồng.

- Tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh là 400.000 đồng/ngày x 06 ngày là 2.400.000 đồng.

- Tiền tổn thất tinh thần bằng 25 tháng lương cơ sở là 58.500.000 đồng

Nguyễn Văn T đồng ý tất cả các khoản yêu cầu của ông Phạm Thanh H, nhưng hiện tại T chỉ nộp được số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường cho ông H.

Cơ quan điều tra đã thu giữ và trao trả cho bà Lê Ánh T 01 cây xà beng, thu giữ của Nguyễn Văn T 01 áo thun màu đen và số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Đối với con dao tự chế và đèn pin kích điện do T đã ném bỏ nên không thu hồi được.

Đối với Nguyễn Minh L và Nguyễn Văn T không biết T đi đến nhà bà T để chém ông H. Qua thực nghiệm điều tra và những chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra, có căn cứ để xác định khi T giấu dao tự chế trong người thì L không biết, do đó chưa đủ cơ sở để xử lý L và T với vai trò đồng phạm với T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2025/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 0, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án;

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 590 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường các khoản chi phí tiền xe, chi phí điều trị, tiền mất thu nhập và tổn thất tinh thần cho ông Phạm Thanh H tổng cộng là 83.900.000 đồng (Tám mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại 01 áo thun màu đen cho Nguyễn Văn T, tiếp tục quản lý số tiền 5.000.000 đồng của T để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.195.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, người bị hại là ông Phạm Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án. Ông H đề nghị: với mức án của bị cáo Nguyễn Văn T là 02 năm 06 tháng là chưa thuyết phục đối với hành vi phạm tội của bị cáo T, chưa thấy rõ tính côn đồ, hung hăng của bị cáo. Đồng thời, ông H nhận thấy việc thu thập chứng cứ, chứng minh tội phạm có khả năng bỏ lọt tội đối với Nguyễn Văn T và Phạm Minh L.

Ông H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt đối với bị cáo T và hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại và xử lý đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T cùng Nguyễn Văn T và Phạm Minh L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử; Người bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại trình bày và đề nghị:

- Nội dung vụ án thể hiện: T không có mâu thuẫn với ông H nhưng mang hung khí chém ông H;

- Bị cáo T còn tiền sự chưa xóa và nhân thân xấu nhưng với bản chất côn đồ, quyết liệt và hoàn toàn không thành thật khai báo vụ việc xảy ra. Bản thân bị hại không có cơ hội chống trả hoặc tự vệ. Vì vậy, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo T là quá nhẹ, không đủ sức răn đe, không tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

- Đối với việc bỏ lọt tội phạm, Luật sư phân tích:

+ T là người rủ rê L tìm ông H. L đi cùng T tìm ông H, có mặt tại nơi xảy ra việc T chém ông H. L đứng phía cửa bên ngoài nhằm mục đích chặn đường thoát ông H, đây là hành vi giúp sức của L.

+ Tòa cấp sơ thẩm chưa làm rõ T có phải là người dẫn đường cho T đến nơi ông H đang có mặt, nếu xét về động cơ và nội dung của vụ án được làm rõ thì đây là hành vi xúi giục (chỉ điểm) của T để T đến hiện trường gây án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án; Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và những tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 14/9/2024, sau khi biết anh ruột là Nguyễn Văn T bị ông Phạm Thanh H đánh, mặc dù không có mâu thuẫn gì với ông H nhưng bị cáo Nguyễn Văn T lại mang theo 01 con dao tự chế có chiều dài khoảng 55cm, cán dài khoảng 15cm, lưỡi

dao dài khoảng 40cm, rộng khoảng 03cm (là hung khí nguy hiểm) đến ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Địa chỉ cũ) chém nhiều cái vào người của ông Phạm Thanh H gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 25%. Như vậy, có đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự:

Tội Cố ý gây thương tích được quy định tại Điều 134 của Bộ luật hình sự cụ thể như sau: “1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc 01 trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, **hung khí nguy hiểm** hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

.....

i) Có tính chất côn đồ;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 2 năm đến 6 năm:

.....

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 điều này”.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo T hiểu được rằng sức khỏe, tính mạng của con người rất vốn quý, được pháp luật bảo vệ. Hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác sẽ bị pháp luật xử lý dù bất cứ hình thức nào; Mặc dù bị cáo không có mâu thuẫn với ông H, nguyên nhân xuất phát mâu thuẫn từ ông T là anh ruột bị cáo T, bị ông H đánh sưng mặt. Sau khi nghe ông T kể lại sự việc, bị cáo không kìm được tính hung hãn, lấy hung khí nguy hiểm là con dao tự chế rồi dùng xe mô tô chở anh Phạm Minh L đến khu dân cư xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (cũ) để tìm người đánh anh ruột mình, chỉ vì bản tính côn đồ hung hãn và trong lúc nóng giận đã dẫn đến hành vi phạm tội; Lẽ ra bị cáo nên có thái độ tế nhị, trao đổi nhắc nhở với ông H có cách cư xử phù hợp hoặc trình báo chính quyền địa phương để được giải quyết, nhưng bị cáo không làm như vậy; Bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho ông H, nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình theo quy định của pháp luật.

[3] Với quy định nêu trên, Tòa cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là đúng tính chất, hành vi và mức độ phạm tội. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ (áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự) nên Tòa cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo với mức án như nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh L xác định không tham gia cùng T chém ông H. Bà T cũng xác định không chứng kiến việc T gây thương tích cho ông H. Riêng ông H cho rằng: sự việc có camera nhà bà T quay lại diễn biến nhưng bà T xác định không có hình ảnh xảy ra sự việc. Ông H thừa nhận anh L và ông T

không có chém ông. Ông H trình bày: anh L có cầm dao uy hiếp tinh thần và chặn đường thoát của ông nhưng ông H không có chứng cứ chứng minh.

Đồng thời, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại Tòa cấp sơ thẩm bị hại là ông H không có khiếu nại đối với vai trò đồng phạm của T và L.

Bên cạnh đó, Tòa cấp sơ thẩm đã nhận định cụ thể vai trò của Nguyễn Minh L và Nguyễn Văn T: Do T và L không biết T đi đến nhà bà T để chém ông H. Qua thực nghiệm điều tra và những chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra, có căn cứ để xác định khi T giấu dao tự chế trong người thì L không biết, do đó chưa đủ cơ sở để xử lý L và T với vai trò đồng phạm với bị cáo T.

Ngoài lời trình bày tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm bị hại là ông H cho rằng: L và T có cùng đi chung với T với mục đích cố ý gây thương tích cho ông, ông H không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để có thể xem xét tăng nặng hình phạt cho bị cáo và hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại, đồng thời xử lý đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T cùng Nguyễn Văn T và Phạm Minh L với vai trò đồng phạm là xúi giục và giúp sức cho bị cáo T. Do đó, xét việc kháng cáo của bị hại là ông Phạm Thanh H là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Lời trình bày và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Phạm Thanh H cho rằng:

Vai trò đồng phạm của Nguyễn Văn T là xúi giục và Phạm Minh L là giúp sức cho bị cáo T theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, thể hiện tại hồ sơ không có căn cứ chứng minh ông T là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy bị cáo T thực hiện hành vi chém ông H. Bản thân anh L không phải là người cung cấp dao cho T hoặc giúp T trốn thoát hay là người chỉ điểm cho T chém ông H, bởi vì anh L không biết mặt ông H. Với những nhận định nêu trên thì vai trò của T và L không phù hợp với quy định tại Điều 17 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, trình bày và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Phạm Thanh H là không có căn cứ, không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử có cơ sở, phù hợp với pháp luật, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[6] Do kháng cáo của người bị hại Phạm Thanh H không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[7] Những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tiền sự của bị cáo T chưa được xóa và nhân thân của bị cáo cũng không được Tòa cấp sơ thẩm xem xét và nhận định để có thể lượng hình trong quá trình xét xử vụ án là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Điều này Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc khắc phục.

[8] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại Phạm Thanh H; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2025/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 0, tỉnh Đồng Tháp.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

3. Về hình phạt:

Áp dụng điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm đ Khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 590 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường các khoản chi phí tiền xe, chi phí điều trị, tiền mất thu nhập và tổn thất tinh thần cho ông Phạm Thanh H tổng cộng là 83.900.000 đồng (Tám mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng).

5. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại 01 (Một) áo thun màu đen cho Nguyễn Văn T, tiếp tục quản lý số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) của Nguyễn Văn T để đảm bảo thi hành án.

6. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị hại Phạm Thanh H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 4.195.000 đồng (Bốn triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại TP HCM; (1)
- VKSND tỉnh Đồng Tháp; (1)
- TAND khu vực 0, tỉnh Đồng Tháp; (1)
- VKSND khu vực 0, tỉnh Đồng Tháp; (1)
- Công an khu vực 0, tỉnh Đồng Tháp; (1)
- THADS khu vực 0, tỉnh Đồng Tháp; (1)
- Bị cáo; (1); Bị hại (1);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Liên Hiệp

